

NGUỒN LỰC TIẾNG VIỆT THỂ HIỆN “PHÁN XÉT” TRONG ĐÁNH GIÁ NGOẠI HÌNH*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**

Abstract: This article studies appraisal language on the appearance in Vietnamese from the perspective of systemic- functional linguistics. In The article analyzes, identifies and evaluates resources representing “judgment” - one of three dimensions in the “attitude” system including Influence, judgment and evaluation entities and phenomena which are belong to Appraisal framework of Martin and White (2005).

Keywords: *Attitude; Appraisal; Appraisal language; Appraisal framework; Appearance appraisal*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ đánh giá ngoại hình trong tiếng Việt rất đa dạng và phong phú, thông qua hiển ngôn hoặc hàm ngôn. Đặc biệt, có những trường hợp, đánh giá ngoại hình không chỉ đơn thuần là khen hay chê vẻ bề ngoài mà sâu xa hơn, người đánh giá muốn nhấn đến phán xét về bản chất, nhân cách, phẩm hạnh con người như: *mặt gian, mắt dữ...*

Bài viết này sẽ đi sâu khảo sát và nghiên cứu về những trường hợp đánh giá ngoại hình nhưng hướng đến “Phán xét” “con người bên trong” trong tiếng Việt theo lý thuyết của trường phái Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, cụ thể là Khung đánh giá (Appraisal framework) của Martin & White [10].

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá ngoại hình thể hiện “Phán xét” trong tiếng Việt, chúng tôi đã khảo sát và phân tích nguồn ngữ liệu là 1.322 đoạn văn bản, câu bình luận, đánh giá ngoại hình trên 192 bài báo, bài đăng, video trên các báo điện tử (Vietnamnet, VNExpress, Kenh14, aFamily...); các nền tảng xã hội như facebook cá nhân, zalo cá nhân, fanpage, nhóm riêng tư, Tiktok và một số chương trình truyền hình (Vietnam's Next Top Model mùa 9, Rap Việt, Ca sĩ mặt nạ)... Ngữ liệu được phân tích, mô tả và phân loại theo Khung thẩm định (Appraisal framework) của Martin & White [10].

Phân tích diễn ngôn kết hợp với phân tích ngữ cảnh và miêu tả là các phương pháp chính được sử dụng để tiến hành nghiên cứu này.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề lý luận có liên quan

3.1.1. Ngôn ngữ đánh giá và Khung thẩm định ngôn ngữ đánh giá của Martin & White

Để nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá một cách hệ thống, Martin và các cộng sự đã đưa ra Khung thẩm định ngôn ngữ đánh giá (Appraisal Framework). Theo đó, thuật ngữ “Appraisal” là thuật ngữ bao trùm tất cả các ngôn từ dùng để đánh giá. Ba hệ thống quan trọng trong khung thẩm định là *Thái độ*, *Thang độ* và *Giọng điệu*. *Thái độ* là các giá trị mà theo đó các quan điểm tích cực/tiêu cực được hoạt hoá. *Thang độ* là các giá trị mà theo đó cường độ hoặc sức mạnh của các mệnh đề được nâng cao hoặc

* Bài viết là sản phẩm của đề tài NCKH cấp bộ: *Ngôn ngữ đánh giá ngoại hình trong tiếng Việt*; Đơn vị chủ trì: Viện Ngôn ngữ học.

** TS, Viện Ngôn ngữ học

hạ thấp. Giọng điệu là các giá trị theo đó người nói/người viết khoắc các giọng điệu khác nhau và giá trị thay thế được đặt trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế.

Hệ thống Thái độ ban đầu gồm ba miền nghĩa bao phủ lên các giá trị chỉ “cảm xúc” (emotion), “đạo đức” (ethics) và “thẩm mỹ” (aesthetics). Sau đó, ba miền nghĩa này được đặt tên tương ứng là ba bình diện “Tác động” (affect), “Phán xét” (judgement) và “Đánh giá sự vật hiện tượng” (appreciation). “Tác động” bày tỏ tình cảm, cảm xúc: hạnh phúc, buồn, sợ, không thích,... của chủ thể đánh giá đối với những hành động đang diễn ra hoặc những thực thể xung quanh. “Phán xét” chỉ thái độ của chủ thể đối với con người và cách con người hành xử. “Đánh giá sự vật hiện tượng” là “đánh giá của chúng ta về các sự vật,... bao gồm cả hiện tượng tự nhiên - những sự vật hiện tượng đó có giá trị gì và chúng ta đánh giá giá trị của chúng như thế nào” Martin & White [10, tr.56].

3.1.2. Bình diện “Phán xét”

Phán xét là thái độ đánh giá về con người và cách con người hành xử. Phán xét liên quan tới hành vi, đạo đức, tính cách, phẩm chất của con người, thường dựa trên các quy tắc và các quy định. Hệ thống phán xét được chia thành hai nhánh chính là phán xét *Năng lực, phẩm chất cá nhân* (Social esteem) và *Chuẩn mực đạo đức xã hội* (Social sanction) [10, tr.53].

a) Năng lực, phẩm chất cá nhân (Social Esteem)

Phán xét *Năng lực, phẩm chất cá nhân* là những phán xét dựa trên những thuộc tính thuộc về thể diện cá nhân, không liên quan đến quy ước xã hội hay pháp luật, gồm ba khía cạnh sau:

- Thông thường (Normality): Đánh giá ai đó đặc biệt/ dị thường như thế nào. Ví dụ: *Cô ấy luôn ăn mặc **hợp thời trang** (She is always **fashionable**).*
- Khả năng (Capacity): Đánh giá ai đó có năng lực ra sao? Ví dụ: *Ông ấy là một công nhân **lành nghề** (He is a **skilled** worker).*

Theo Ngô Thu [13], khả năng được chia thành ba yếu tố, đó là:

- + Khả năng trí tuệ (metal): liên quan đến năng lực kĩ năng, học vấn, chuyên môn.
- + Khả năng vật chất (material): liên quan về thể chất và công nghệ.
- + Năng lực xã hội (social): liên quan đến năng lực cá nhân và liên nhân
- Kiên trì (Tenacity): Đánh giá ai đó kiên trì, quyết tâm như thế nào. Ví dụ: *He is a **patient** man.* (Anh ấy là người kiên nhẫn.).

b) Chuẩn mực đạo đức xã hội (Social Sanction):

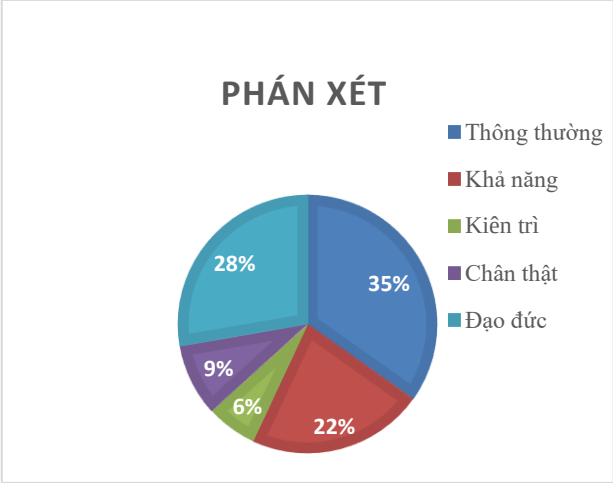
Phán xét *Chuẩn mực đạo đức xã hội* dựa trên chuẩn mực về đạo đức được xã hội quy ước hoặc thiết chế hoá thành luật pháp để đánh giá con người. *Chuẩn mực đạo đức xã hội* được chia thành hai nhóm nhỏ:

- Chân thật (Veracity): Đánh giá ai đó trung thực/ đáng tin như thế nào. Ví dụ: *July là một cô gái **thẳng thắn** (July is a **frank** girl).*
- Đạo đức/khuôn phép/phép tắc (Propriety): Đánh giá ai đó có đạo đức ra sao. Ví dụ: *Ông ấy vẫn luôn **tàn nhẫn** với chính con đẻ của mình (He is always being **cruel** with his own son).* (Theo Martin & White, [11, tr.56])

3.2. Các nguồn lực thể hiện “Phán xét” trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt

Qua khảo sát và phân loại nguồn tư liệu, chúng tôi nhận thấy các phán xét về bản chất, tính cách, hành vi của con người với ngoại hình rất phổ biến. Do vậy, nguồn lực tiếng Việt thể hiện Phán xét thông qua đánh giá về ngoại hình khá phong phú, chủ yếu là các phương tiện từ vựng.

Chúng tôi đã thu thập được 267 từ ngữ thể hiện ý nghĩa Phán xét trong đó có 93 từ ngữ thuộc nhóm *Thông thường* (chiếm 35%), 59 từ ngữ thuộc nhóm *Khả năng* (chiếm 22%); 17 từ ngữ thuộc nhóm *Kiên trì* (chiếm 6%), 24 từ ngữ thuộc nhóm *Chân thật* (chiếm 9%), và 74 từ ngữ thuộc nhóm *Đạo đức* (chiếm 28%). Tỷ lệ phân cực các nhóm nghĩa trong Phán xét được cụ thể hóa qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1. Biểu đồ thống kê tỉ lệ năm nhóm nghĩa thể hiện “Phán xét” trong đánh giá ngoại hình

Như vậy, có thể thấy, số lượng các phương tiện từ vựng thể hiện *Thông thường* là nhiều nhất, sau đó đến các phương tiện thể hiện *Đạo đức* và *Khả năng*. Các phương tiện thể hiện *Kiên trì* và *Chân thật* ít hơn rất nhiều. Điều này cho thấy xu hướng người Việt đánh giá ngoại hình nhằm hướng đến phán xét tính *Thông thường* (Ai đó đặc biệt/khác thường như thế nào?) là phổ biến nhất, sau đó là đến phán xét về *Đạo đức* (Ai đó có đạo đức ra sao?) và về *Khả năng* (Ai đó có khả năng như thế nào?).

Chúng tôi đã thống kê cụ thể các nguồn lực tiếng Việt đánh giá ngoại hình thể hiện *Phán xét* trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Bảng thống kê chi tiết các nguồn lực tiếng Việt thể hiện “Phán xét” trong đánh giá ngoại hình

Năng lực, phẩm chất cá nhân	Tích cực (ngưỡng mộ/ admire)	Tiêu cực (chỉ trích/ criticize)
Thông thường	Bình thường, tự nhiên, mộc, mộc mạc, thuần, thanh thuần, giản dị	Kì cục, kì quặc, dị, dị hợm, phiên bản lỗi...; lạ, khác lạ, đơ, cứng đơ, (mặt) thâm mĩ, (ngực) silicon, chỉnh sửa, giả, giả trân, vô hồn, đờ đẫn, bất ổn, gượng, gượng gạo, lố, lố lăng, làm quá lên, cưa sừng làm nghé
	Quyến rũ, dịu dàng, đằm thắm, kiêu sa, đài các, nền nã, yêu điệu, nữ tính, nam tính, men, chuẩn men,	Xuề xòa, lồi thối, luộm thuộm, chuyển giới, phi giới tính, éo lá
	Hợp thời trang, mốt, sành điệu, chín chu, kín đáo, lịch sự, đàng hoàng	Lỗi mốt, quê, quê mùa; ầu, cầu thả, lồi thối, luộm thuộm, hở hang;
	Sướng, nhàn, sang, sang trọng, sang chảnh, thành đạt, giàu có, có tiền,	Khổ, lam lũ, vất vả, nghèo hèn
	(Trông/ nhìn như) tiểu thư, công chúa, nữ hoàng, đại gia, tổng tài, soái ca.	(Trông/ nhìn như) ô sin, ăn mày, giúp việc, con hầu
	Ấn tượng, nổi bật, đặc biệt, lộng lẫy	Tầm thường, phèn, phở thông, đại trà, nhạt nhòa.

Khả năng	Khỏe, khỏe mạnh, khỏe khoắn, mạnh mẽ, rắn rỏi, đô, vạm, sẵn chắc, sáu múi, hình thể tốt	Ốm yếu, yếu ớt, hom hem
	Trưởng thành, từng trải, chuyên nghiệp, uy quyền, chững chạc, chín chắn	Non, xanh, trẻ con
	Duyên, hóm hỉnh, hài hước, hài, tấu hài	Vô duyên, buồn, nhạt, cục mịch
	Sắc sảo, thông minh, thần thái, sáng sủa, khôn, khôn ngoan, nhanh nhẹn, trí thức, thư sinh	Ngu, ngu dần, dần, dần độn; tối tăm, tối sầm, chậm chạp, lò đờ, vô học, hăm, hăm tài
	Điềm đạm, từ tốn, nho nhã.	Tâm thần, thần kinh, điên.
Kiên trì	Kiên nhẫn, bình tĩnh, điềm tĩnh, lì, nhây, bướng, nỗ lực; quyết tâm,	Không kiên nhẫn, nóng nảy, hấp tấp, cẩu thả, liều, liều lĩnh; bộp chộp, bệ rạc, nhát, nhút nhát
Chuẩn mực đạo đức xã hội	Tích cực (ca ngợi/ praise)	Tiêu cực (lên án/ condemn)
Chân thật	Thật thà, chất phác, chân thật; chân chất, chính trực, ngay thẳng, bộc trực, thẳng thắn.	Không trung thực, giả tạo, dối trá, lừa lọc, điêu, gian; gian xảo, lươn, lươn lẹo, uốn éo, xảo trá, lừa đảo, lừa tình, gian manh, lấu cá, ranh ma.
Khuôn phép/ phép tắc/ đạo đức	Tốt, tử tế, ngoan, có đạo đức, nhân hậu, phúc hậu, thiện lương, hiền lành, nét na, thùy mị, chung thủy, thánh thiện; uy tín, khiêm nhường, lễ phép, lịch sự.	- Xấu, vô đạo đức, đạo đức giả, ác, độc ác, gian ác, thất đức, đều, đều cáng, không có hậu, không lương thiện, không chung thủy, láo, hỗn, hư, ngổ ngáo, lác cắc, - Đồi bại, dâm, dâm dăng, vô ơn, mất nét, mất dạy; bần tiện, bùn xin, tùn mùn; Kiêu căng, hợm hĩnh; kênh kiệu, chảnh, chảnh chó, khiếm nhã, thô lỗ, hèn, hèn hạ; tham lam, đào mỏ - (Nhìn/ trông như) sát thủ, cướp, trộm cắp, giang hồ, nghiện, đi, cave, gái, gái ngành, gái đứng đường, tội phạm, tên giết người, buôn ma túy, đi tù, nghiện ngập, chơi đá, chơi đồ, ngáo đá, sử dụng/ dùng thuốc, đập đá, phê thuốc, mặt búng ra đá.

3.2.1. Nguồn lực thể hiện phạm trù phán xét “Thông thường”

Thông thường nằm trong hệ thống phán xét của Martin & White, nhằm trả lời câu hỏi thăm dò “*Ai đó đặc biệt hay khác thường như thế nào?*”. Trong phạm vi ngữ liệu khảo sát của chúng tôi, tiếng Việt có 93 phương tiện từ, ngữ thể hiện phán xét trong đánh giá ngoại hình, trong đó có 43 từ ngữ mang ý nghĩa tích cực như: *nhân sắc tự nhiên, nổi bật, ấn tượng...*; *ăn mặc chỉnh chu, sành điệu, hợp thời trang...* và 50 từ ngữ mang ý nghĩa tiêu cực: *gương mặt già trăn, đơ cứng, giọng gạo...*; *ăn mặc lôi thôi, quê mùa, hợp thời trang....*

Ví dụ, khi so sánh hai hoa hậu của Việt Nam và Indonesia trong cuộc thi Hoa hậu hòa bình Quốc tế năm 2024, cộng đồng mạng nhận xét về hoa hậu Indonesia như sau:

(1) Một cô gái **tự nhiên** và phong cách mạnh mẽ nhưng cũng không giấu được vẻ **mềm mại** và **nữ tính** của phụ nữ.... Chúc mừng đất nước Indonesia! (Thông thường +)

(2) **Đẹp nổi bật, đậm thắm** quá. (Thông thường +)

(Bình luận về Hoa hậu Indonesia trong Page của Hoa hậu Hòa bình thế giới 2024)

Ngoại hình của người đẹp Indonesia được đánh giá là *tự nhiên, mềm mại, nữ tính, đảm thắm* (Thông thường +) và mạnh mẽ, sang trọng, bình tĩnh nho nhã (Khả năng +). Tất cả những từ ngữ được dùng để phán xét về cô gái này đều mang nghĩa tích cực. Điều này chứng tỏ chủ nhân của những lời nhận xét này đánh giá cao cô gái về nhan sắc, hơn thế nữa là thần thái, khí chất, năng lực của cô toát ra từ ngoại hình. Và những điều này khiến cô được đánh giá là nổi bật trong dàn thí sinh.

Ngược lại, công đồng mạng lại có nhiều đánh giá tiêu cực về hoa hậu Quế Anh lại nhận về nhiều ý kiến tiêu cực về ngoại hình:

(3) *Chị Ánh Quê nhìn **phèn** quá!* (Thông thường -)

(4) *Bà đi trước cũng đeo túi mà đeo kiểu sang chảnh, còn mẹ xách túi **giống như con hầu** của Miss Thái.* (Thông thường -)

(Bình luận về Hoa hậu Indonesia trong Page của Hoa hậu Hòa bình thế giới 2024)

Từ “*phèn*” đã thể hiện sự đánh giá của người bình luận, phán xét về tổng thể về nhan sắc, phong thái của Quế Anh ở dưới mức trung bình, thậm chí kém cỏi, tầm thường. Cách diễn đạt “*giống như con hầu*” là cách nói hàm ngôn không chỉ thể hiện sự đánh giá thấp đối tượng mà còn thể hiện thái độ coi thường, dè bieu, khinh bỉ của chủ thể lời đánh giá. Đây có thể xem là một kiểu miệt thị ngoại hình khiếm nhã và mang tính xúc phạm.

Cũng nói hoa hậu, Kỳ Duyên - Hoa hậu Hoàn vũ Việt Nam năm 2024 cũng nhận được nhiều phán xét trái chiều về ngoại hình của cộng đồng. Có người ngưỡng mộ thần thái nữ hoàng, có người chỉ trích diện mạo không tự nhiên, không dịu dàng, nụ cười gượng, biểu cảm đơ cứng, giả tạo do phẫu thuật thẩm mỹ và phong cách “*như đàn ông*” của cô không xứng đội vương miện.

(5) *Duyên **thần thái nữ hoàng**.* (Thông thường +)

(6) *Kỳ duyên **lộng lẫy, kiêu sa**.* (Thông thường +)

(7) *Kỳ Duyên với cái **mặt nạ silicon**, nụ cười **đơ** một giây là tắt thì chỉ vỗ tay rồi về thôi. Nhìn nước ngoài người ta cười mỉm cũng xinh đẹp **tự nhiên** thế kia.* (Thông thường +)

(8) *Hoa với **chả hậu, cứng đơ, giả tạo**.* (Thông thường -)

(9) *Thấy **không có dịu dàng, nhìn men, cứng đơ**.* (Thông thường -)

(10) *Hoa hậu **chuyển giới** rồi thi à?* (Thông thường -)

(Bình luận về Hoa hậu Kỳ Duyên trong Page của Hoa hậu Hoàn Vũ Việt Nam 2024)

Trong nguồn lực thể hiện phạm trù Phán xét *Thông thường*, có những từ ngữ chỉ dùng trong đánh giá tích cực hoặc tiêu cực nhưng có những từ ngữ rất khó xác định là tích cực hay tiêu cực nếu không đặt trong ngữ cảnh cụ thể. Chẳng hạn, các từ: *Nam tính, men, men lỳ, đàn ông* là tích cực (Thông thường +) khi đối tượng được đánh giá là đàn ông nhưng lại là tiêu cực (Thông thường -) khi đối tượng được đánh giá là phụ nữ. Tương tự, các từ: *Yếu điệu, mong manh, nữ tính...* là tích cực (Thông thường +) khi đối tượng được đánh giá là phụ nữ nhưng lại là tiêu cực (Thông thường -) khi đối tượng được đánh giá là đàn ông.

Chẳng hạn, khi nói về diễn viên Việt Anh, những người đánh giá đều đề cao, tiếc nuối nét nam tính, men của ngoại hình của anh trong quá khứ, khi chưa phẫu thuật thẩm mỹ và đánh giá thấp ngoại hình mới vì quá nữ tính, mong manh, yếu điệu:

(11) *Trước ông đẹp **men lì** chất lừ lừ, nay...!*

(12) *Việt Anh lúc xưa **đau rồi, nam tính, thu hút, đẹp trai!***

(13) *Đẹp nam tính không ụng, nữ tính mới chịu!*

(14) Thiếu chất **men**, độ lì của **nam tính**, da trắng, **mong manh**, **yếu điệu** trông chán chưa!

(Bình luận về diễn viên Việt Anh trong Page Vietnam's Next Top Model)

Ngược lại, vẫn là những đánh giá là *men*, *đàn ông* nhưng dùng để nói về Kỳ Duyên (trong ví dụ 9 và 10) thì đó lại là những phán xét tiêu cực và miệt thị. Tương tự như vậy, các từ ngữ như *nữ tính*, *yếu điệu*, *mong manh* thể hiện sự đánh giá tích cực khi đối tượng được đánh giá là nữ giới nhưng lại mang nghĩa tiêu cực khi nói về các đối tượng nam giới.

Bên cạnh đó, trong nguồn lực phán xét ở phạm trù *Thông thường* này, có những từ ngữ chỉ dùng để đánh giá một đối tượng nhất định. Chẳng hạn, trường hợp “*chuyển giới*”, “*bóng*”. “*Trông như chuyển giới*” là một cách đánh giá tiêu cực về ngoại hình và phong cách của những cô gái có những đặc điểm thiên về nam tính. Cách diễn đạt này luôn mang tính tiêu cực và chỉ dùng để đánh giá các đối tượng là nữ giới. Ngược lại, “*Trông bóng thế!*” là một cách đánh giá ngoại hình chỉ dành cho đối tượng là nam giới nhưng lại có ngoại hình, cử chỉ điệu bộ mang xu hướng nữ tính.

Để diễn đạt các phán xét *Thông thường*, người Việt có thể dùng lối nói trực tiếp thông qua những từ ngữ có ý nghĩa đánh giá trực tiếp, cũng có thể sử dụng các lối nói gián tiếp thông qua so sánh, ẩn dụ. Chẳng hạn, hình ảnh so sánh “*giống như con hầu*” (ví dụ 4) được người đánh giá sử dụng để thể hiện phán xét tiêu cực về ngoại hình lôi thôi, luộm thuộm, nhếch nhác của cô hoa hậu Quế Anh. Hình ảnh ẩn dụ “*mặt nạ silicon*” (ví dụ 7) dùng để đánh giá về khuôn mặt Kỳ Duyên là giả tạo, đơ cứng, dị thường, ngược lại “*thần thái nữ hoàng*” lại một cách diễn đạt đánh giá cao nhan sắc và biểu cảm xinh đẹp, kiêu sa giống như một nữ hoàng của cô. Thậm chí, để phán xét về một con người, người Việt còn có những cách diễn đạt đặc biệt hơn nữa:

(15) *Rồi lại đến lúc Việt Anh mang thai.*

(16) *Mình thấy chị Việt Anh đẹp đấy chứ mọi người.*

(Bình luận về diễn viên Việt Anh trong Page Vietnam's Next Top Model)

Đây là những Phán xét tiêu cực ở mức độ cao, mang tính mỉa mai, miệt thị của người đánh giá dành cho nam diễn viên Việt Anh, cho rằng vẻ ngoài của anh đã bị mất hoàn toàn nét nam tính, bị *nữ hóa* như một cô gái thực sự (có thể *mang thai* và được gọi bằng “*chị*”).

Rõ ràng, đây cũng là một trong những phương tiện ngôn ngữ thuộc nguồn lực Phán xét về ngoại hình nhưng những phương tiện kiểu này chỉ có ý nghĩa lâm thời. Do vậy, chúng tôi không thống kê vào trong hệ thống nguồn lực phán xét cố định thể hiện tính “*Thông thường*” đã nêu trên.

3.2.2. Nguồn lực ngôn ngữ thể hiện phán xét “*Khả năng*”

Theo thống kê của chúng tôi, tiếng Việt có 59 phương tiện từ, ngữ thể hiện phán xét trong đánh giá ngoại hình, trong đó có 33 từ ngữ mang ý nghĩa tích cực và 26 từ ngữ mang ý nghĩa tiêu cực. Đây là những phương tiện ngôn ngữ giúp người đánh giá thể hiện sự phán xét về khả năng của đối tượng được đánh giá, trả lời câu hỏi thăm dò: *Ai đó có năng lực ra sao?*

Ví dụ khi xem xét các đánh giá sau của dân cư mạng về các Hoa hậu và Á hậu:

(17) *Khuôn mặt Hạnh Nguyên mới chuẩn quốc tế, đẹp sắc sảo, thông minh. Còn bà Quế Anh thì nhìn mặt đã thấy tối tăm, chậm chạp, lờ đờ.*

(18) *Body ẻo lả, kém xa Hen nhé! Hen đẹp khỏe khoắn, rắn sỏi, sắc chắc, phong thái vừa tự nhiên, vừa quyền uy.*

(Bình luận về Á hậu Hạnh Nguyên và Hoa hậu Quế Anh trong Page của Hoa hậu Hòa bình Việt Nam 2024).

(19) Hoa hậu Indonexia đẹp kiểu **sang trọng, đậm thắm, bình tĩnh, lịch thiệp, nho nhã!**

(Bình luận về Hoa hậu Indonesia trong Page của Hoa hậu Hòa bình thế giới 2024)

(20) Thích nét đẹp **trưởng thành, chín chắn** của Duyên

(21) Kỳ Duyên: **không có duyên** mà chỉ thấy **kì!**

(Bình luận về Hoa hậu Kỳ Duyên trong Page của Hoa hậu Hoàn vũ thế giới 2024)

Có thể thấy, các bình luận trên không chỉ đơn thuần đánh giá về bề ngoài của các cô gái, mà còn hướng đến những Phán xét sâu xa hơn về bản chất con người họ. Chủ thể đánh giá bằng những trải nghiệm cá nhân, thông qua đánh giá những đặc điểm ngoại hình cụ thể như: ánh mắt, khuôn mặt, cơ thể, cử chỉ, cách ăn mặc... hay đánh giá tổng thể phong thái, khí chất của một con người toát ra từ ngoại hình để đưa ra những Phán xét “sâu” hơn về khả năng trí tuệ: *Thông minh, sắc sảo, chín chắn, nho nhã* (khả năng +), *tối tăm, chậm chạp, lờ đờ* (Khả năng -); khả năng thể chất: *khỏe khoắn, rắn rỏi* (Khả năng +), *éo lá* (khả năng -) hay năng lực xã hội liên quan đến quan hệ liên nhân như: *uy quyền, lịch thiệp* (Khả năng +), *không có duyên* (khả năng -).

Lại có những trường hợp, cùng một từ ngữ nhưng trong các ngữ cảnh khác nhau lại mang những ý nghĩa đánh giá khác nhau. Xét các ví dụ sau:

(22) **Trông mặt ông Thái *tấu hài* thực sự!** (*Thông thường -*)

(Bình luận về nhân vật Thái trong Page phim “Đi giữa trời rục rồ”)

(23) **Nhìn Khương liêu là đã thấy chất *tấu hài* rồi!** (Khả năng +)

(Bình luận về nhân vật Khương trong Page phim “Độc đạo”)

Đây là nhận xét của khán giả về hai diễn viên đóng vai Thái trong bộ phim “Đi giữa trời rục rồ” và diễn viên đóng vai “Khương” trong bộ phim “Độc đạo”. “*Tấu hài*” trong ví dụ 22 là một bình luận đánh giá thấp khả năng của diễn viên đảm nhận vai này vì anh diễn đơn, thiếu cảm xúc, vô hồn, khiến cho biểu cảm của gương mặt trở nên “buồn cười” một cách vô duyên, kì cục. “*Tấu hài*” ở đây mang ý nghĩa gây cười, như một trò cười. Điều này được rõ ràng hơn khi đặt bình luận trong bối cảnh xuất hiện của nó, bên cạnh hàng loạt các đánh giá theo hướng tiêu cực đứng trước và sau nó:

- *Ánh mắt Thái vô hồn!*
- *Cậu này diễn đơn quá!*
- *Nhìn mắt Bảo Anh đang có hồn, nhìn sang mắt Thái hết hồn luôn, trông đờ đẫn vãi!*

Ngược lại, trường hợp thứ hai (ví dụ 23) lại là một lời khen dành cho nam diễn viên đóng vai Khương “liêu”, đánh giá cao sự hóm hỉnh, duyên dáng của diễn viên cũng như của nhân vật. Bình luận này cũng xuất hiện trong hệ thống hàng loạt những lời khen về thần thái và khả năng hóa thân của diễn viên Duy Hưng vào một nhân vật có tính cách ngang ngược nhưng có nét hồn nhiên, vô tư, vui vẻ. Đây mới là một phán xét Khả năng (+).

3.2.3. Nguồn lực ngôn ngữ thể hiện phán xét “Kiên trì”

Trong các nhóm nghĩa của Phán xét liên quan đến ngoại hình trong tiếng Việt, “Kiên trì” phạm trù có ít nguồn lực thể hiện nhất. Trong phạm vi ngữ liệu của chúng tôi, chỉ có 17 phương tiện từ, ngữ thể hiện nghĩa này, trong đó có 7 từ ngữ mang ý nghĩa tích cực và 10 từ ngữ mang ý nghĩa tiêu cực.

Ví dụ:

(24) *Gương mặt Doãn Quốc Đam có nét **điềm tĩnh**, **kiên định** nên rất các vai có diễn biến tâm lý phức tạp như vai Hồng.* (Kiên trì +)

(25) *Nhìn tạo hình Khương nhìn đã thấy **liều** rồi!* (Kiên trì -)

(26) *Mặt Khương **liều lì** lắm, đúng kiểu không biết sợ ai.* (Kiên trì +)

(Bình luận về hai diễn viên đóng vai Hồng và Khương trong Page phim “Độc đạo”)

Đây là những ví dụ Phán xét về tính Kiên trì thông qua đánh giá ngoại hình. Căn cứ vào đặc điểm trên gương mặt và biểu cảm của hai diễn viên để đánh giá về tính cách nhân vật: Không dao động, không thay đổi trong mọi hoàn cảnh (*điềm tĩnh, kiên định, lì*) hay táo bạo, bất chấp hậu quả (*liều*). Trong phạm trù nghĩa Kiên trì, cả kiên định và lì đều nằm ở nhóm Kiên trì (-) nhưng trong tiếng Việt, *kiên định, điềm tĩnh* mang nghĩa tích cực (Giữ vững ý chí, quan điểm, mục tiêu (tốt) đã đặt ra, không ngại khó khăn gian khổ) còn *lì* lại mang nghĩa tiêu cực (không thay đổi quan điểm (kể cả xấu lẫn tốt) bất chấp mọi tác động bên ngoài), gần nghĩa với *nhây, buông*. Chính vì vậy, hai đặc điểm *lì* và *liều* mới cùng kết hợp được trong con người nhân vật Khương mà không về mẩu thuẫn.

Các đặc điểm ngoại hình thường được gắn với nhóm nghĩa phán xét này thường liên quan đến gương mặt và trán. Kết hợp *mặt lì, trán buông* được sử dụng khá phổ biến trong tiếng Việt.

3.2.4. Nguồn lực ngôn ngữ thể hiện phán xét “Chân thật”

Thông qua các đặc điểm ngoại hình để đánh giá “*Ai đó có chân thật không?*” cũng khá phổ biến đối với người Việt. Qua khảo sát, chúng tôi thu thập được 24 phương tiện từ, ngữ thể hiện phán xét Chân thật, trong đó chỉ có 8 từ ngữ mang ý nghĩa tích cực và 16 từ ngữ mang ý nghĩa tiêu cực.

Xét các ví dụ sau:

(27) *Mắt hí, môi mỏng trông vừa **gian** phải vừa **điêu**.* (Chân thật -)

(28) *Nhìn đẹp trai **thật thà, chất phác** mà!* (Chân thật +)

(Bình luận trên post về cặp đôi Pu - Chải trong phim “Đi giữa trời rục rồ” trên Page Giang Duong)

Trong ví dụ 27, người đánh giá đã căn cứ vào kinh nghiệm của mình về các đặc điểm ngoại hình như *mắt hí, môi mỏng* để Phán xét Pu là người có bản chất không thật thà, *gian* và *điêu*. Còn ở ví dụ 28, người đánh giá cũng chỉ dựa trên vẻ bề ngoài của Chải mà đánh giá Chải thật thà, chất phác.

Có thể thấy, từ lâu, người Việt đã gắn các đặc điểm ngoại hình với bản chất chân thật hay gian dối của con người. Các cách kết hợp như “*mắt gian*”, “*mặt gian*”, “*mồm điêu*” đã trở nên quen thuộc, thậm chí còn đúc kết thành kinh nghiệm kiểu như: “*Mắt ti hí vừa đĩ vừa gian*”.

3.2.5. Nguồn lực ngôn ngữ thể hiện phán xét “Đạo đức”

Đây là nhóm nghĩa có nguồn lực thể hiện phong phú nhất. Chúng tôi thống kê được 74 phương tiện từ, ngữ thể hiện phán xét *Đạo đức* liên quan đến đánh giá ngoại hình, trong đó chỉ có 16 từ ngữ mang ý nghĩa tích cực và 58 từ ngữ mang ý nghĩa tiêu cực. Điều này chứng tỏ, đối với người Việt, việc coi ngoại hình là một chỉ báo cho một tính cách, phẩm chất nào đó của con người là một xu hướng phổ biến. Đặc biệt, chủ yếu những đánh giá ngoại hình gắn với phán xét *Đạo đức* con người thường gặp là những phán xét tiêu cực. Ví dụ:

(29) *Theo cảm nhận riêng của mình thì thấy ánh mắt của cô **nhân hậu**, nhưng đôi mắt lại buồn và cô đơn, cô là người **tốt** nhưng lại khó tính.* (Đạo đức +)

(Bình luận về diễn viên Angelina Jolie trên Page Huy Quoc Nguyen)

(30) *Xinh xiu bé này mang thần thái **trong sáng** đơn thuần **thiện lương** á!* (Đạo đức +)

(31) *Theo phong thủy Phụ nữ mà nói chuyện cặp mắt chớp chớp nháy nháy kiểu như cá đớp mồi lia lịa thía kia hèn gì **khó mà chung thủy** với một người lắm!* (Đạo đức -)

(Bình luận về ca sĩ Lê Quyên trên Page của VnExpress.net)

(32) *Mặt nhìn **ác** bỏ mẹ.* (Đạo đức -)

(33) *Môi thâm **bạc tình** nha!* (Đạo đức -)

(34) ***Mặt sát nhân!***

(35) ***Như mấy tên giết người hàng loạt á!*** (Đạo đức -)

(36) ***Nhìn như mấy thằng buôn bán ma túy ở trong tù mới ra.*** (Đạo đức -)

(Bình luận về diễn viên Ryu Jun Yeo trên Page “Bí Mật Showbiz Group”)

(37) *Chị mặc đồ không phải nói chứ **như gái đứng đường Trần Duy Hưng!*** (Đạo đức -)

(Bình luận về nhà văn Gào trên nhóm Anti Gào Zone)

Các ví dụ trên là những đánh giá của cộng đồng mạng đối với các đối tượng một số người nổi tiếng như Angelina Jolie, Lê Quyên, Ryu Jun Yeo hay nhà văn Gào. Đối tượng đánh giá trực tiếp là ngoại hình (mắt, mặt, môi, cách ăn mặc, điệu bộ, cử chỉ) của những người này. Tuy nhiên, đối tượng đánh giá chính ở tầng sâu lại là những phẩm chất đạo đức thuộc về bản chất con người họ là tốt hay xấu, là nhân hậu, thiện lương hay hung ác, là chung thủy hay bạc tình... Cơ sở của những đánh giá này quan niệm “người khôn dòn ra mặt”, “trông mặt mà bắt hình dong” của người Việt. Đó là xu hướng gắn những đặc điểm về ngoại hình, đặc biệt là các nét trên khuôn mặt (mắt, mũi, môi, lông mày, gò má) vào một hệ quy chiếu về các quan niệm ngầm ẩn trong cộng đồng người Việt. Chẳng hạn: Mặt tròn gắn với người nhân hậu, hay đảo mắt gắn với thằng ăn trộm, gấn lông mày rậm với kẻ giết người/độc ác... Những quan niệm đã được thể hiện nhiều trong ca dao, như *Lỗ mũi mông, đầu cong, nhọn hoắt/ Ất lòng tham, hiểm độc gian phi*, hay như *Những người ti hí mắt lơ/ Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người*, hoặc *Những người tai mông mà mềm/ Là phường xác lác, lại thêm gian tà*.

Điều đặc biệt là đại đa số các phán xét phạm trù Đạo đức này là mang tính tiêu cực, thể hiện thái độ miệt thị nặng nề và không công bằng đối với đối tượng được đánh giá.

Về hình thức thể hiện, Phán xét về đạo đức có thể thể hiện một cách hiển ngôn như trong các ví dụ từ 29 đến 33, cũng có thể thông qua hàm ngôn là các cấu trúc so sánh hoặc ẩn dụ như trong các ví dụ từ 34 đến 37.

4. Kết luận

Từ việc phân tích các ví dụ thuộc phạm vi khảo sát, chúng tôi nhận thấy việc phán xét ngoại hình gắn với những chuẩn mực xã hội là rất phổ biến, với nguồn lực khá phong phú thuộc về năm nhóm nghĩa *Thông thường, Khả năng, Kiên trì, Chân thật* và *Đạo đức*. Mỗi nhóm nghĩa đều có sự phân cực theo hai hướng tích cực (+) và tiêu cực (-).

Sự thể hiện thái độ *Phán xét* có thể được thể hiện một cách hiển ngôn thông qua các yếu tố từ vựng trực tiếp mang nghĩa đánh giá, cũng có thể thể hiện thông qua các hàm ngôn là các cấu trúc so sánh, ẩn dụ đa dạng.

Có thể thấy, nếu như những đánh giá về các phạm trù *Thông thường, Khả năng, Kiên trì* chủ yếu chỉ liên quan đến cá nhân, đến hình ảnh và thể diện của cá nhân thì nhưng Phán xét thuộc phạm trù *Chân thật* và *Đạo đức* lại gắn với những chuẩn mực, quy tắc, khuôn phép thành văn hoặc bất thành

văn của xã hội. Vì vậy, những đánh giá liên quan đến *Chuẩn mực đạo đức xã hội* không chỉ liên quan đến *Người đánh giá* và đối tượng được/ bị đánh giá, ngữ cảnh cụ thể, mà còn chịu ảnh hưởng của các quan điểm về văn hóa, thẩm mỹ của cộng đồng. Chẳng hạn, người Việt có hàng loạt các kinh nghiệm về việc đánh giá con người thông qua ngoại hình được đúc kết qua kho tàng ca dao, tục ngữ, chẳng hạn: “mắt tí hí vừa dĩ vừa gian”, “mòng môi hay hót”, “đàn bà miệng rộng tan hoang cửa nhà”, gò má cao là tướng sát chồng, lông mày rậm là hung ác... Tuy nhiên, đây chỉ là những quan niệm thiếu cơ sở, mang tính chủ quan phiến diện. Nếu coi đây là các chuẩn để đánh giá thì rất dễ dẫn tới những phán xét sai lầm, miệt thị và xúc phạm nặng nề đến nhân phẩm người khác. Nhận thức được điều này, bên cạnh câu “Trông mặt mà bắt hình dong”, dân gian cũng có câu “Đừng trông mặt mà bắt hình dong”. Vì vậy, khi sử dụng những phán xét con người thông qua ngoại hình, gắn với quy chuẩn xã hội chúng ta cần cân nhắc thật kĩ để tránh “mất lòng” hoặc mắc phải những sai lầm không đáng có trong giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Bích Hồng - Phạm Hiền, *Ngôn ngữ đánh giá trong các bài phê bình sách tiếng Anh về Ngôn ngữ học*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 7 (274), 2018.
2. Nguyễn Bích Hồng, *Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ đánh giá trong tiếng Anh và tiếng Việt trên cứ liệu bài tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ học*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2023.
3. Trần Thị Thanh Hương, *Ngôn ngữ đánh giá của các giám khảo trên truyền hình thực tế trong một số chương tình giải trí tiếng Việt (có liên hệ với tiếng Anh)*, Luận án tiến sĩ, Đại học khoa học xã hội & nhân văn, ĐHQG HN, 2018.
4. Nguyễn Thị Hương Lan, *Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (So sánh sách tiếng Anh tiểu học ở Singapore và sách tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam)*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, 2018.
5. Nguyễn Thị Mỹ Lệ, *Ngôn ngữ đánh giá trong trong sách giáo khoa Tiếng Anh cấp trung học cơ sở tại Việt Nam dưới góc độ ngữ pháp chức năng hệ thống*, Luận án tiến sĩ, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, 2023.
6. Nguyễn Hồng Sao, *So sánh ngôn ngữ báo chí tiếng Việt và tiếng Anh qua một số thể loại*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

Tiếng Anh

7. Coffin, C., & O'Halloran, K., *The role of appraisal and corpora in detecting covert evaluation. Functions of language*, 13(1), 77-110, 2006.
8. Halliday, M.A.K., & Matthiessen, C. M. I. M., *An introduction to functional grammar* (3rd ed.), Hodder Education, London, 2004.
9. Hunston S., *Corpus approaches to evaluation: Phraseology and evaluative language*, Routledge, UK. 2011.
10. Martin J.R., White P.R.R., *The language of evaluation: Appraisal in English*, Palgrave Macmillan, Hampshire-New York, USA, 2005.
11. Thompson G., Alba-Juez L., *Evaluation in Context*, John Benjamins Publishing Company, 2014.
12. Thu, T. B. N., *The deployment of the language of evaluation in English and Vietnamese spoken discourse*, The University of Sydney, 2013.